

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày 24-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương;

Bà Nguyễn Thị Kim Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với;

- Bị cáo Nguyễn Trung T, sinh năm 1985; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1964; có vợ Nguyễn Thị Thảo S và 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; nhân thân: ngày 31/5/2012 bị Toà án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (chấp hành xong ngày 08/3/2013, được giảm 6 tháng tù); tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 18/3/2020; tạm giam: Ngày 24/3/2020.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị Thảo S, sinh năm 1987 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Khóm Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Phan Như Y, sinh năm 1988 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị Mai A, sinh năm 1999 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Khóm Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Phùng Thị X, sinh năm 1996 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Khóm Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Phạm Quốc T, sinh năm 1987 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Khóm Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 27/9/2019, bị cáo Nguyễn Trung T ngồi chơi tại nhà Phạm Quốc T cùng Cao Văn Hảo T, Nguyễn Văn C tại Khóm Q, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp. Sau đó C đi đến nhà bà Nguyễn Thị L tại khóm R, thị trấn T để chặt dừa. Khoảng 15 phút sau, T rủ bị cáo đến nhà bà L để chặt dừa cho bà L, bị cáo T đồng ý, T chạy xe mô tô chở bị cáo đến nhà bà L, khi đến nhà bà L đang tổ chức nhậu nên cả hai vào nhậu chung. Trong lúc nhậu thì Nguyễn Thị Mai A bạn gái T, gọi điện thoại cho bị cáo nên bị cáo đi vào phòng khách nhà bà L nghe điện thoại, trong lúc nghe điện thoại thì bị cáo phát hiện có 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 đang sạc trên kệ tủ nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm nhưng nghe điện thoại xong bị cáo ra nhậu tiếp.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì nghỉ nhậu và dọn dẹp để đi chặt dừa cho bà L. Lúc mọi người đang dọn dẹp thì điện thoại của bị cáo T reo nên bị cáo đi vào phòng khách nhà bà L nghe điện thoại, vừa nghe điện thoại, bị cáo vừa đi lại chỗ điện thoại di động hiệu OPPO F7 đang sạc dùng tay trái **tháo chui** sạc ra khỏi điện thoại rồi lấy điện thoại bỏ vào túi quần. Sau đó, bị cáo T lấy xe mô tô của T chạy đến nhà của K rồi đổi xe mô tô của bị cáo chạy đến quán cà phê “Quê Anh E” tại khóm Y, thị trấn T để đưa xe cho T, rồi kêu T chở bị cáo đến nhà bà L, khi gần đến nhà bà L, bị cáo dùng xe lại đưa T điện thoại di động hiệu OPPO F7 vừa trộm được cho T giữ dùm, đến ngày 28/9/2019 bị cáo lấy lại điện thoại để sử dụng và đến ngày 05/10/2019 thì bị cáo mang điện thoại trộm được cầm tại cửa hàng điện thoại “Nguyễn M” tại khóm Y, thị trấn T với giá 2.000.000đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại F7, màu xanh, số IMEI 869604032788274, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy hợp

đồng cầm đồ, nền trắng, chữ màu đỏ của tiệm Nguyễn M Mobile, địa chỉ ngay góc chợ B, thuộc khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hợp đồng giao dịch lúc 15 giờ 11 phút, ngày 05/10/2019. Tên khách hàng A T, tên máy cầm OPPO F7 trắng, số imei: 88274. Số tiền cầm 2.000.000đ (hai triệu đồng). Người nhận là Nguyễn Mạnh.

Bản kết luận định giá tài sản số 12/BKLDG ngày 17/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Điện thoại di động, hiệu OPPO, loại F7, màu xanh, số IMEI 869604032788274, đã qua sử dụng có giá trị định giá là 2.600.000đồng.

Tại Cáo trạng số: 18/CT-VKS-TN ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Nguyễn Trung T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số 12/BKLDG ngày 17/3/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản

trong tổ tụng hình sự huyện T; Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường ngày 17/3/2020; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 14 giờ, ngày 27/9/2019, lợi dụng lúc bị hại L không chú ý, tài sản không có người trong giữ, bị cáo Nguyễn Trung T đã lén lút trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động, hiệu OPPO, loại F7, màu xanh, số IMEI 869604032788274, đã qua sử dụng có giá trị là 2.600.000đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phần nộ trong quần chúng nhân dân.

Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả cho Nguyễn Văn M; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; có ông nội Nguyễn Văn Đ và bà nội Phạm Thị D được tặng “Huân chương kháng chiến hạng ba” ngày 17/8/2001; bị cáo là bộ đội xuất ngũ năm 2006 nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại F7, màu xanh, số IMEI 869604032788274, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã lại lại cho bị hại L nhận lại xong nên không xem xét.

Đối 01 (một) giấy hợp đồng cầm đồ, nền trắng, chữ màu đỏ của tiệm Nguyễn M Mobile, địa chỉ ngay góc chợ B, thuộc khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hợp đồng giao dịch lúc 15 giờ 11 phút, ngày 05/10/2019. Tên khách hàng A T, tên máy cầm OPPO F7 trắng, số imei: 88274. Số tiền cầm 2.000.000đ (hai triệu đồng). Người nhận là Nguyễn M. Xét thấy, đây là chứng cứ chứng minh bị cáo phạm tội nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án là phù hợp theo Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự .

[7] Đối với số tiền 2.000.000đồng do Nguyễn Thị Thảo S vợ bị cáo trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn M thay bị cáo không yêu cầu bị cáo T trả lại nên không xem xét.

[8] Đối với Nguyễn Văn M có hợp đồng cầm điện thoại với bị cáo T số tiền 2.000.000đồng và đã nhận lại đủ tiền yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[9] Đối với Nguyễn Thị Mai A không biết điện thoại do bị cáo T trộm được và khi gửi giữ bị cáo không nói là điện thoại trộm mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm đối với Mai A.

[10] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 18 tháng 3 năm 2020.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu lưu hồ sơ: 01 (một) giấy hợp đồng cầm đồ, nền trắng, chữ màu đỏ của tiệm Nguyễn M Mobile, địa chỉ ngay góc chợ B, thuộc khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hợp đồng giao dịch lúc 15 giờ 11 phút, ngày 05/10/2019. Tên khách hàng A T, tên máy cầm OPPO F7 trắng, số imei: 88274. Số tiền cầm 2.000.000đ (hai triệu đồng). Người nhận là Nguyễn Mạnh. (Vật chứng hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Án xử công khai có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)
Hứa Quang Thông**